



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN PHU NHUAN SERVICE JONT STOCK COMPANY

78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Tp.HCM - Tel:(08) 38 444861 - Fax:(08) 38 443264
Website : www.maseco.com.vn Email : maseco@maseco.com.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Năm 2010



Tháng 4 năm 2011



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN

78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Tp.HCM

Điện thoại: (84-8) 3844 4864

Fax: (84-8) 3844 3264

Website: www.maseco.com.vn

Email: maseco@hcm.fpt.vn

MỤC LỤC

Thông điệp của Chủ tịch HĐQT

1. Tóm lược lịch sử hoạt động và phát triển của Công ty.....	1
1.1 Lịch sử hình thành và phát triển	1
1.2 Giới thiệu về Công ty và hệ thống các đơn vị thành viên	2
1.3 Hoạt động sản xuất kinh doanh	4
2. Tổ chức và nhân sự.....	8
2.1 Cơ cấu lao động	9
2.2 Chính sách đối với người lao động.....	9
3. Báo cáo của Ban Giám đốc	10
3.1 Báo cáo về tình hình tài chính	10
3.2 Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh	11
3.3 Công tác phát triển thương hiệu và tham gia các hoạt động hướng đến cộng đồng.....	12
4. Định hướng phát triển.....	13
4.1 Đánh giá tình hình	14
4.2 Định hướng sản xuất kinh doanh.....	14
4.3 Các biện pháp chủ yếu.....	15
5. Thông tin về Cổ đông/thành viên góp vốn và Quản trị Công ty	16
5.1 Kết quả thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2010	17
5.2 Hoạt động của Ban Kiểm soát	17
5.3 Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng trong năm 2010.....	17
5.4 Cơ cấu cổ đông	18
5.5 Danh sách cổ đông lớn (sở hữu trên 5% vốn điều lệ).....	19
5.6 Hệ thống quản trị	20

Phụ lục: Báo cáo tài chính năm 2010 (đính kèm) gồm

- Báo cáo của Hội đồng Quản trị
- Báo cáo kiểm toán của Công ty Kiểm toán
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Thông điệp của Chủ tịch HĐQT

Kính thưa Quý cổ đông, các nhà đầu tư,

Năm 2010, mặc dù tình hình kinh tế trong nước vẫn còn nhiều khó khăn nhưng Công ty Maseco đã nỗ lực thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, xây dựng và phát triển doanh nghiệp. Lợi nhuận trước thuế đạt 126% so với kế hoạch, tăng 63% so với năm 2009 do công ty duy trì hiệu quả từ hoạt động sản xuất kinh doanh hàng điện tử, áp dụng các biện pháp an toàn, tránh các rủi ro trong kinh doanh nông sản bảo đảm được hiệu quả chung. Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch doanh thu và lợi nhuận của ĐHĐCĐ giao, nộp thuế đầy đủ và làm tròn trách nhiệm với cổ đông. Uy tín doanh nghiệp và thương hiệu sản phẩm ngày càng nâng cao tạo nên lợi thế cạnh tranh trên thị trường và thuận lợi để phát triển trong tương lai. Bên cạnh đó, công ty cũng tích cực tham gia tốt các hoạt động xã hội và cộng đồng góp phần xây dựng uy tín doanh nghiệp, đời sống của người lao động được chăm lo đầy đủ, hoạt động của các đoàn thể được duy trì và phát triển đã tích cực góp phần vào thành tích chung của công ty.

Hội đồng quản trị công ty xin chân thành cảm ơn sự quan tâm, tin tưởng và cộng tác chặt chẽ của quý cổ đông trong thời gian qua giúp cho công ty vượt qua khó khăn để phát triển ngày càng vững mạnh. Chúng tôi rất mong quý cổ đông cùng toàn thể cán bộ, nhân viên công ty tiếp tục đoàn kết, sát cánh với HĐQT để hoàn thành nhiệm vụ mà ĐHĐCĐ giao cho, ngày càng đem lại nhiều lợi ích cho công ty và cho cổ đông./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trương Thị Thanh Tâm

1. Tóm lược lịch sử hoạt động và phát triển của Công ty

1.1 Lịch sử hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Dịch vụ Phú Nhuận là doanh nghiệp được chuyển đổi từ Công ty Vật tư Dịch vụ & Du lịch Phú Nhuận (Doanh nghiệp nhà nước) thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 971/QĐ-TTg, ngày 02/08/2001 của Thủ tướng Chính phủ. Tại thời điểm thành lập Công ty Cổ phần Dịch vụ Phú Nhuận vào tháng 10 năm 2001, vốn điều lệ của Công ty là 20 tỷ đồng, trong đó cổ đông là Nhà nước nắm giữ 25% tổng vốn điều lệ.

Tháng 10/2004, cổ đông là Nhà nước đã chuyển nhượng hết số cổ phần của mình cho các cổ đông hiện hữu còn lại của Công ty theo công văn số 2179/UB-CNN của Ủy ban Nhân dân TP.HCM.

Là doanh nghiệp hoạt động trên các lĩnh vực: thương mại, xuất nhập khẩu, sản xuất kinh doanh sản phẩm điện tử, dịch vụ, khách sạn nhà hàng và kinh doanh bất động sản. Hoạt động kinh doanh của công ty trong nhiều năm qua đã có bước tăng trưởng và phát triển đáng kể, cả về doanh thu, kim ngạch xuất khẩu, lợi nhuận, nộp ngân sách nhà nước, thu nhập đời sống cán bộ công nhân lao động và đóng góp cho phúc lợi xã hội. Tổng doanh thu bình quân mỗi năm thực hiện trên 700 tỷ đồng, trong đó công ty duy trì kim ngạch xuất khẩu mỗi năm trên 17 triệu USD; nộp ngân sách nhà nước trên 20 tỷ đồng mỗi năm.

Để đạt được những thành quả đó, công ty xác định hướng đi đúng đắn phù hợp với thực tế, kiên trì xây dựng từng ngành hàng kinh doanh, đội ngũ cán bộ công nhân lao động luôn năng động, sáng tạo, nêu cao tinh thần trách nhiệm, có ý thức kỷ luật và giữ vững đoàn kết, gắn bó.

Đến nay, Công ty Cổ phần Dịch vụ Phú Nhuận đã có 03 đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ là:

- Phát hành cổ phiếu bán cho cổ đông hiện hữu năm 2007: Tổng số phát hành 10 tỷ đồng (tương đương 1.000.000 cổ phần).
- Phát hành cổ phiếu thưởng năm 2008: Tổng số phát hành 30 tỷ đồng (tương đương 3.000.000 cổ phần).
- Trong năm 2010, công ty đã phát hành 9.000.000 cổ phần, tương đương 90 tỷ đồng (tính theo mệnh giá) cho cổ đông hiện hữu, cán bộ nhân viên và các đối tác chiến lược.

Theo báo cáo tài chính đã kiểm toán, đến ngày 31/12/2010, vốn điều lệ của Công ty là 150 tỷ đồng (tương đương 15.000.000 cổ phần).

1.2 Giới thiệu về Công ty và hệ thống các đơn vị thành viên

Công ty Cổ phần Dịch vụ Phú Nhuận được thành lập trên cơ sở Quyết định số 971/QĐ-TTg, ngày 02/08/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước Công ty Vật tư Dịch vụ & Du lịch Phú Nhuận thành Công ty Cổ phần Dịch vụ Phú Nhuận.

- Tên đầy đủ: **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN**
- Tên tiếng Anh: PHU NHUAN SERVICE JOINT STOCK COMPANY
- Tên giao dịch viết tắt: MASECO
- Biểu tượng công ty



- Vốn điều lệ: 150.000.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng chẵn)
- Trụ sở chính: 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP.HCM
- Điện thoại: (84-8) 3844 4864 Fax: (84-8) 3844 3264
- Website: www.maseco.com.vn
- Email: maseco@hcm.fpt.vn

Trụ sở chính Công ty Cổ phần Dịch vụ Phú Nhuận:

- Trụ sở : 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP.HCM
- Điện thoại: (84-8) 38444864 Fax: (84-8) 38443264

Các đơn vị trực thuộc:

- Chi Nhánh Hà Nội: số 121 Nguyễn Chí Thanh quận Đống Đa, Hà Nội được thành lập cuối năm 2006 với nhiệm vụ kinh doanh các sản phẩm điện, điện tử của Công ty sản xuất.
- Chi Nhánh Gia Lai: số 1028 Hùng Vương thị trấn Chư Sê tỉnh Gia Lai được thành lập từ đầu năm 1999 với nhiệm vụ thu mua và sản xuất chế biến các loại nông sản xuất khẩu, gồm các mặt hàng chủ lực như cà phê, hồ tiêu ...
- Chi nhánh Đà Nẵng: số 206 Điện Biên Phủ, quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng được thành lập từ cuối năm 2009 với nhiệm vụ kinh doanh các sản phẩm điện, điện tử của công ty sản xuất.
- Trung tâm Dịch vụ Điện tử: số 07 Hoàng Minh Giám, quận Phú Nhuận được thành lập từ năm 1995 sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực điện, điện tử, sản xuất chương trình đĩa nhạc, đĩa karaoke ... trung tâm này ngày càng phát triển ổn định và có hiệu quả cao. Trung tâm Dịch vụ Điện tử có hệ thống các cửa hàng :
 - Cửa hàng trưng bày và bảo hành sản phẩm số 1: tại số 07 Hoàng Minh Giám, phường 9, quận Phú Nhuận, TP HCM.
 - Cửa hàng trưng bày và bảo hành sản phẩm số 2: tại số 218A Phan Đình Phùng, phường 1, quận Phú Nhuận, TP HCM.
 - Cửa hàng trưng bày và bảo hành sản phẩm số 3: tại số 69 Hoàng Văn Thụ, phường 15, quận Phú Nhuận, TP HCM.
 - Dịch vụ đa phương tiện (Multi - Media): tại số 218A Phan Đình Phùng, phường 1, quận Phú Nhuận, TP HCM.
 - Xưởng sản xuất: tại số 07 Hoàng Minh Giám, phường 9, quận Phú Nhuận, TP HCM.
- Khách sạn Hoa Mai: tại số 75 Hoàng Văn Thụ, phường 15, quận Phú Nhuận (tiêu chuẩn 2 sao) với quy mô 30 phòng ngủ, cung cấp các dịch vụ nhà hàng, tiệc cưới, hội nghị, Karaoke.

Các công ty có góp vốn:

- Công ty TNHH Công nghệ Điện tử Phương Đông

Địa chỉ : A12 Phan Văn Trị, phường 7, quận Gò Vấp, TP.HCM

Điện thoại: (84-8) 3 5 888 040

Vốn điều lệ: 5.000.000.000 đồng

Giấy CNĐKKD số: 4102062174 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp ngày 02/06/2008

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, mua bán các sản phẩm điện và điện tử

Tỷ lệ vốn góp của MASECO: 30% vốn điều lệ.

- Công ty Cổ phần Dịch vụ và xúc tiến thương mại Hiệp hội doanh nghiệp TP.HCM.

Địa chỉ : số 51 bến Chương Dương, phường Nguyễn Thái Bình, quận I, TP.HCM

Điện thoại: (84-8) 38 256 621

Fax: (84-8) 38 256 039

Vốn điều lệ: 5.000.000.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh: Quảng cáo thương mại, Tổ chức hội chợ triển lãm, quảng cáo trưng bày, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo trên truyền hình và internet, đào tạo, liên kết đào tạo cho các doanh nghiệp, tư vấn về quản trị.

Tỷ lệ vốn góp của MASECO: 10% vốn điều lệ.

1.3 Hoạt động sản xuất kinh doanh

- Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa tiêu dùng và vật tư sản xuất; sản xuất, chế biến hàng xuất khẩu.
- Kinh doanh bất động sản, khách sạn, nhà hàng, văn phòng, kho bãi, cửa hàng, công trình dân dụng.
- Kinh doanh vật tư, nguyên liệu hóa chất, máy móc thiết bị, hàng kim khí điện máy, đồ điện gia dụng, điện tử, vi tính, mỹ phẩm, quần áo, vải sợi, xăng dầu, vật liệu xây dựng, phân bón, thuốc trừ sâu, lương thực, thực phẩm, rượu, bia, thuốc lá nội, hàng tiêu dùng sản xuất trong nước và nhập khẩu.
- Giao nhận vận chuyển hàng hóa trong nước và xuất nhập khẩu.
- Sản xuất, gia công lắp ráp máy móc, thiết bị điện, điện tử, công nghệ phần mềm.
- Dịch vụ Karaoke, thể thao; sản xuất phát hành chương trình ca nhạc, chương trình karaoke, gia công phối âm, thu âm.
- Sản xuất, mua bán điện thoại cố định, điện thoại di động, linh kiện – phụ tùng - thiết bị viễn thông; dịch vụ cài đặt nhạc chuông, bài hát hình ảnh cho điện thoại di động.
- Dịch vụ cung cấp thông tin lên mạng.
- Dịch vụ quảng cáo.
- Dịch vụ trông giữ xe.
- Kinh doanh các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật.

Sản xuất và kinh doanh các mặt hàng điện tử



Máy KaraOke vi tính ARIRANG AR-3600 Hi plus



Máy KaraOke vi tính ARIRANG AR-18Deluxe



Máy KaraOke vi tính ARIRANG 3600 HDD plus

Microphone KaraOke không dây Mi-3600



Sản xuất chương trình Karaoke vi tính



Máy DVD Player siêu mỏng DVP-K600



Máy tăng âm KaraOke PA-203 III



Máy tăng âm Kỹ thuật số 3600 Hi plus



Loa cao cấp chuyên nghiệp S-808



XUỞNG SẢN XUẤT VÀ SHOWROOM SỐ 7 HOÀNG MINH GIẢM Q. PHÚ NHUẬN, TP. HCM

Sản xuất và kinh doanh các mặt hàng nông sản xuất khẩu



Tiêu thành phẩm các loại



Nhà máy chế biến cà phê



Dây chuyền đóng gói tiêu thành phẩm



Nhà máy chế biến tiêu sạch



Kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn



Nhà hàng-Khách sạn Hoa Mai, 75 Hoàng Văn Thụ, Q. Phú Nhuận



Dịch vụ đầu tư, khai thác, và kinh doanh bất động sản



- * Đầu tư xây dựng, khai thác kinh doanh căn hộ, nhà ở
- * Cho thuê Văn phòng làm việc
- * Mua bán bất động sản



2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Cơ cấu lao động

Tổng số lao động của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2010 là 211 người, cơ cấu lao động của Công ty thể hiện như sau:

Phân theo trình độ chuyên môn	Số lượng	Tỷ lệ
- Đại học và trên đại học	44 người	20,9%
- Cao đẳng, trung cấp	85 người	40,3%
- Lao động có tay nghề	15 người	7,1%
- Lao động phổ thông	67 người	31,7%
Phân theo nhóm nhiệm vụ công việc	Số lượng	Tỷ lệ
- Lao động quản lý và bán hàng	28 người	13,3%
- Chuyên viên kỹ thuật	102 người	48,3%
- Công nhân, lao động phổ thông	81 người	38,4%
Phân theo thời hạn hợp đồng lao động	Số lượng	Tỷ lệ
- HĐLĐ không xác định thời hạn	16	7,6%
- HĐLĐ có xác định thời hạn	195	92,4%
- HĐLĐ thời vụ, khoán việc	0	0%

Nguồn: Văn phòng Công ty

2.2 Chính sách đối với người lao động

Nhận định rằng, gắn với hiệu quả sản xuất kinh doanh, con người là yếu tố quyết định sự thành công của doanh nghiệp, vì vậy các chính sách đãi ngộ đối với người lao động đặc biệt là người lao động có trình độ cao luôn được Công ty chú trọng. Việc đãi ngộ được thể hiện cụ thể thông qua các qui chế tiền lương, tiền thưởng, phụ cấp trách nhiệm, và chức vụ của Công ty, xem đây là biện pháp quan trọng giúp người lao động yên tâm gắn bó với doanh nghiệp.

Trong năm qua đã điều chỉnh thu nhập cho cán bộ, nhân viên bình quân tăng 15%, đạt mức bình quân là 5 triệu đồng/người/tháng. Công ty cũng đã chủ động xây dựng thang bảng lương, và các chế độ phụ cấp trách nhiệm phù hợp với tình hình thực tế, có tác động khuyến khích mọi người tích cực nâng cao năng suất và chất lượng công việc để hưởng mức thu nhập tương xứng với hiệu quả làm ra.

Ngoài các chế độ theo hợp đồng, Công ty cũng đã chi hỗ trợ thêm cho người lao động các khoản khác như: tiền cơm trưa, mua bảo hiểm tai nạn con người, trang phục làm việc, khám sức khỏe định kỳ v.v... Bên cạnh việc chi trả thu nhập, người lao động trong Công ty còn được đảm bảo việc thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách lao động theo đúng qui định pháp luật và thỏa ước

lao động tập thể như chế độ BHXH, BHYT, chế độ làm việc, nghỉ phép... Công ty cũng thường xuyên tạo điều kiện thuận lợi để người lao động tham gia các khóa huấn luyện, đào tạo, nhằm nâng cao kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, và kiến thức pháp luật.

Công tác bảo hộ cũng được Công ty quan tâm thực hiện đầy đủ như tổ chức lắp đặt trang thiết bị chống nóng, chống ồn, khói bụi, bảo đảm an toàn vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường và cảnh quan nơi làm việc, qua đó đã được công nhận đơn vị văn hóa nhiều năm liền. Chi bộ được công nhận là Cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh. Công đoàn cơ sở được Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tặng Cờ thi đua xuất sắc, Chi đoàn thanh niên được Trung ương Đoàn tặng bằng khen.

Phong trào thi đua trong công ty được duy trì thường xuyên, thực hiện công khai, dân chủ trong bình chọn các danh hiệu thi đua đã có tác động khuyến khích mọi người tích cực thực hiện nhiệm vụ được giao.



3. Báo cáo của Ban Giám Đốc

3.1 Báo cáo về tình hình tài chính

Các chỉ số tài chính cơ bản

Cơ cấu nguồn vốn	Đơn vị	Năm 2010	Năm 2009
TS ngắn hạn/Tổng TS	%	75.09	69.76
TS dài hạn/Tổng TS	%	24.91	30.24
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	38.83	31.37
Vốn CSH/Tổng nguồn vốn	%	61.17	68.63
Khả năng thanh toán	Đơn vị	Năm 2010	Năm 2009
Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	2.17	1.46
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0.29	0.05
Tỷ suất sinh lời	Đơn vị	Năm 2010	Năm 2009
Tỷ suất LNTT/Doanh thu thuần	%	6.54	5.95
Tỷ suất LNST/Doanh thu thuần	%	5.22	5.10
Tỷ suất LNTT/Tổng TS	%	11.98	11.23
Tỷ suất LNST/Tổng TS	%	9.57	9.61
Tỷ suất LNST/Vốn chủ sở hữu	%	15.64	32.80

Vốn và tài chính:

Vốn chủ sở hữu của công ty tại thời điểm 31/12/2010 như sau:

Tổng số:	324.259.000.000 đ
Trong đó:	
- Vốn của cổ đông đóng góp	150.000.000.000 đ
- Thặng dư vốn cổ phần	124.742.000.000 đ
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	- 3.072.000.000 đ
- Quỹ dự phòng tài chính	5.073.000.000 đ
- Quỹ đầu tư phát triển	15.450.000.000 đ
- Quỹ khác thuộc vốn sở hữu	1.762.000.000 đ
- Lợi nhuận chưa phân phối	30.304.000.000 đ

Năm 2010 công ty đã hoàn thành việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 150 tỷ đồng theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cụ thể là:

Tổng số cổ phần phát hành : 9.000.000 cổ phần.

Trong đó:

- Bán cho cổ đông hiện hữu :	5.000.000 cổ phần.
- Bán cho CB,NV công ty:	550.000 cổ phần.
- Bán cho cổ đông chiến lược:	3.450.000 cổ phần.

Tổng giá trị thu được từ việc bán cổ phần là: 214.742.000.000 đồng.

Công ty cũng đã hoàn tất việc đăng ký thay đổi vốn điều lệ trên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định.

Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp: trong năm 2010, có 1.018.560 CP của cổ đông nội bộ được giao dịch.

- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2010: 21.617 đồng/cổ phần
- Tổng số cổ phiếu thường đã phát hành tới 31/12/2010: 15.000.000 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu thường đang lưu hành đến 31/12/2010: 15.000.000 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ: không có

3.2 Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Căn cứ báo cáo tài chính đã được kiểm toán, kết quả kinh doanh năm 2010 công ty đã thực hiện như sau:

	<u>Kế hoạch</u>	<u>Thực hiện</u>	<u>Tỷ lệ</u>
- Tổng doanh thu:	800 tỷ	971 tỷ	121%
Trong đó:			
- Kim ngạch XK(USD):	15 triệu	17 triệu	114%
- Lợi nhuận trước thuế:	50 tỷ	63 tỷ	126%
- Chia cổ tức (thấp nhất):	25%	30%	120%
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu:		5.059 đồng	

Tổng doanh thu năm 2010: đạt 121% so với kế hoạch, tăng 51% so với năm 2009, do tăng sản lượng và kim ngạch xuất khẩu nông sản. Mặt khác sản lượng, doanh thu kinh doanh sản phẩm điện tử cũng đã tăng lên đáng kể góp phần tăng tổng doanh thu chung của công ty.

Lợi nhuận trước thuế: đạt 126% so với kế hoạch, tăng 63% so với năm 2009 do công ty duy trì hiệu quả từ hoạt động sản xuất kinh doanh hàng điện tử, áp dụng các biện pháp an toàn, tránh các rủi ro trong kinh doanh nông sản bảo đảm được hiệu quả chung. Năm 2010 nhà nước không còn hỗ trợ lãi suất vay vốn và giảm thuế thu nhập doanh nghiệp như 2009, do đó lợi nhuận thực hiện có ý nghĩa rất quan trọng cho khả năng phát triển của công ty trong tương lai.

Chia cổ tức: HĐQT dự kiến nếu được Đại hội cổ đông thông qua thì mức chia cổ tức năm 2010 là 30% đạt 120% so với kế hoạch, Cổ tức chia cho cổ đông tính theo thời điểm nộp tiền mua cổ phần trong các đợt phát hành cổ phiếu năm 2010.

a) Về đầu tư và xây dựng cơ bản:

Đã hoàn thành đầu tư xây dựng cao ốc văn phòng Arirang số 131 Trần Huy Liệu, quận Phú Nhuận đưa vào sử dụng từ đầu năm 2011. Do tình hình thị trường kinh doanh văn phòng hiện nay còn khó khăn nên việc khai thác còn chậm so với dự kiến.

Đang thi công cao ốc văn phòng Maseco tại số 149-151 Nguyễn Văn Trỗi với quy mô 01 tầng trệt, 11 tầng lầu và 02 tầng hầm để xe. Tổng diện tích xây dựng 6.532 m², trong đó diện tích kinh doanh là 4.242 m². Kinh phí đầu tư khoảng 75 tỷ đồng. Dự kiến hoàn thành đưa vào khai thác khoảng cuối năm 2011.

Đã điều chỉnh phương án đầu tư xây dựng khách sạn 3 sao (thay thế dự án cao ốc văn phòng) tại số 157 Phan Đăng Lưu phường 1 quận Phú Nhuận và giải quyết xong tranh chấp ranh giới đất với hộ liền kề. Công ty đang hoàn tất hồ sơ xin cấp giấy phép xây dựng với quy mô 60 phòng ngủ, nhà hàng, dịch vụ đạt tiêu chuẩn từ 3-4 sao. Dự kiến khởi công vào giữa năm 2011.

Đã khởi công xây dựng nhà máy điện tử Hiệp Phước 1 tại khu công nghiệp Hiệp Phước huyện Nhà Bè, gồm 1 tầng trệt và 3 tầng lầu diện tích xây dựng trên 12.000 m² để di dời xưởng sản xuất điện tử hiện nay tại số 7 Hoàng Minh Giám quận Phú Nhuận dự kiến hoàn thành vào quý IV-2011.

UBND thành phố đã có văn bản chấp thuận chủ trương cho phép quận Phú Nhuận và công ty hoán đổi khu đất số 7 Hoàng Minh Giám để xây dựng bệnh viện quận và nhận khu đất số 274 Nguyễn Trọng Tuyển, phường 8 quận Phú Nhuận để xây dựng khách sạn cao cấp.

Đang lập hồ sơ xin cấp giấy phép xây dựng nhà máy chế biến nông sản xuất khẩu tại khu công nghiệp Đất Cuốc huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương để đảm bảo khả năng thu mua, chế biến hàng xuất khẩu, quản lý nguồn vốn và hạn chế rủi ro trong quá trình hoạt động.

b) Tuân thủ pháp luật và đảm bảo an ninh trật tự:

Trong quá trình kinh doanh, công ty luôn chấp hành và thực hiện đúng các quy định của pháp luật, kê khai nộp thuế đầy đủ đúng thời hạn, tổng số thuế đã nộp trong năm 2010 là 77.458 triệu đồng, trong đó thuế GTGT 43.900 triệu, thuế thu nhập doanh nghiệp 12.864 triệu, thuế XNK 15.122 triệu và 4.030 triệu thuế thu nhập cá nhân.

Công ty đã chuẩn bị đầy đủ các điều kiện để thực hiện hóa đơn tự in, đặt in theo quy định của Bộ Tài chính.

Hoạt động xuất nhập khẩu được tổ chức quản lý chặt chẽ, thực hiện đúng quy định của nhà nước không xảy ra vi phạm. Các chế độ đối với người lao động đều được công ty thực hiện đầy đủ đúng quy định. Không xảy ra tranh chấp lao động.

An ninh trật tự luôn được giữ vững, thường xuyên kiểm tra các phương án, phương tiện, công cụ phòng chống trộm cắp, phòng chống cháy nổ, xử lý kịp thời các vụ việc phát sinh. Lực lượng tự vệ và phòng cháy chữa cháy tham gia huấn luyện và hội thao hàng năm đạt thành tích cao. Công ty sử dụng dịch vụ bảo vệ chuyên nghiệp cho các cơ sở kinh doanh đảm bảo an toàn trong hoạt động.

3.3. Công tác phát triển thương hiệu và tham gia các hoạt động hướng đến cộng đồng

a) Các thành tích nổi bật

Năm 2005, Công ty được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng III.

Được Bộ Công thương, Hiệp hội cà phê cacao và Hiệp Hội Hồ Tiêu bình chọn là doanh nghiệp xuất khẩu có uy tín.

Sản phẩm điện tử nhãn hiệu Arirang được người tiêu dùng bình chọn là hàng Việt Nam chất lượng cao, đạt cúp vàng Thương hiệu Việt.

Ngày 06/02/2010 Công ty MASECO đã tổ chức lễ kỷ niệm 20 năm thành lập và đón nhận Huân chương Lao động hạng II do Chủ tịch nước tặng thưởng.

b) Các hoạt động hướng đến cộng đồng

Công ty tham gia các tổ chức xã hội nghề nghiệp như Hiệp hội Cà phê-Ca cao Việt Nam, Hiệp hội Hồ tiêu Việt Nam, Hiệp hội Doanh nghiệp thành phố, hội Doanh nghiệp quận Phú Nhuận, Hội Hàng Việt Nam chất lượng cao, Hội Chống hàng giả .v.v. với tinh thần trách nhiệm, công ty đã tích cực đóng góp cho các hoạt động chung được các hiệp hội đánh giá cao.

Hoạt động xã hội, từ thiện được công ty duy trì, thực hiện thường xuyên thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng bằng các việc làm cụ thể như : xây dựng nhà tình nghĩa, nhà tình thương, đóng góp cho quỹ vì người nghèo của quận và thành phố, giúp đỡ nạn nhân chất độc da cam, các cơ sở nuôi dưỡng người già neo đơn, trẻ em mồ côi, khuyết tật, bệnh nhân nghèo, cứu trợ thiên tai, bão lụt, đóng góp cho quỹ vì người nghèo với tổng số tiền đã thực hiện năm 2010 gần 3 tỷ đồng.

Những việc làm thiết thực vì cộng đồng nêu trên đã tác động giáo dục nhân cách cho cán bộ công nhân viên, góp phần thực hiện các chương trình xã hội của thành phố. Qua đó, công ty được Ủy Ban Mặt trận tổ quốc Thành phố và nhiều địa phương tặng nhiều bằng khen, giấy khen:

- 03 Bằng khen của UBND thành phố về các thành tích hoạt động năm 2010 công tác xã hội từ thiện và tham gia cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”
- Bằng khen của Bộ Công thương tặng cho thành tích tham gia chương trình “Hàng Việt về nông thôn” và chứng nhận Doanh nghiệp xuất khẩu có uy tín.
- Bằng khen thành tích xuất khẩu Hồ tiêu do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tặng.

- Cùng nhiều bằng khen, giấy khen của các ngành, các địa phương trao tặng về công tác an ninh quốc phòng, phòng cháy chữa cháy và các hoạt động xã hội.



4. Định hướng phát triển

4.1 Đánh giá tình hình:

Diễn biến tình hình những tháng cuối năm 2010 và đầu năm 2011 cho thấy kinh tế thế giới và trong nước đang trải qua thời kỳ khó khăn gay gắt: lạm phát, tỷ giá ngoại tệ, lãi suất vay vốn, giá điện, xăng dầu đều tăng cao làm cho giá nguyên vật liệu, tiền lương, chi phí sản xuất đều biến động tăng, đời sống khó khăn, sức mua giảm sút.

Chính phủ đã đề ra các giải pháp để kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo an sinh xã hội là yếu tố quan trọng để ổn định tình hình, tuy nhiên theo nhận định chung thì năm 2011 còn nhiều khó khăn, diễn biến phức tạp.

Tiêu cực của xã hội còn tồn tại, tình trạng buôn lậu, trốn thuế, gian lận thương mại, hàng gian hàng giả còn tràn lan, tiến trình cải cách hành chính còn chậm là trở ngại cho hoạt động của các doanh nghiệp.

Công ty đang có những lợi thế thuận lợi nhưng cũng còn những mặt tồn tại yếu kém cần phải sớm khắc phục.

4.2 Định hướng sản xuất kinh doanh:

Từ tình hình trên, Công ty xác định tiếp tục thực hiện định hướng “Thương mại – Xuất nhập khẩu – Sản xuất và Dịch vụ”, trong đó tập trung cho các ngành kinh doanh quan trọng là điện tử và xuất khẩu nông sản, đồng thời đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

a) Về Sản xuất kinh doanh hàng điện tử:

- Tiếp tục phát triển nâng cao chất lượng các sản phẩm âm thanh, điện tử theo kịp các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới của thế giới, đưa ra các dòng sản phẩm thích hợp với nhu cầu sử dụng trong nước và xuất khẩu.
- Đầu tư mạnh cho nghiên cứu ứng dụng tiến bộ công nghệ thông tin, phát triển các dịch vụ truyền thông đa phương tiện, mở rộng lĩnh vực kinh doanh trên môi trường số, tăng hiệu quả quảng cáo tiếp thị, tăng tiện ích và hiệu quả kinh doanh.
- Phấn đấu tăng 10% sản lượng và doanh thu ngành hàng điện tử so với năm 2010.

b) Kinh doanh nông sản xuất khẩu:

- Đẩy mạnh thu mua, chế biến xuất khẩu 2 mặt hàng cà phê nhân và hồ tiêu; phấn đấu tăng 15% sản lượng xuất khẩu hồ tiêu chất lượng cao và 30% sản lượng cà phê nhân xuất khẩu.
- Giữ vững và nâng cao chất lượng sản phẩm tiêu bột, tiêu xay thành phẩm, đầu tư phát triển thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu. củng cố hệ thống phân phối, đưa sản phẩm hồ tiêu MASECO vào các siêu thị, hệ thống bán lẻ và các nhà hàng, khách sạn. Quan tâm làm tốt công tác quảng bá, tiếp thị để mở rộng thêm tại các thị trường xuất khẩu.
- Xu hướng giá xuất khẩu đang tốt hơn những năm trước nhưng thị trường cũng ẩn chứa những biến động bất ngờ, do đó cần bám sát tình hình, áp dụng các giải pháp linh hoạt nhạy bén đảm bảo kinh doanh có hiệu quả, hạn chế rủi ro. Phấn đấu kim ngạch xuất khẩu đạt 20 triệu USD.

c) Về kinh doanh dịch vụ và đầu tư xây dựng:

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của khách sạn Hoa Mai, củng cố bộ máy điều hành tăng cường tiện nghi để giữ vững nguồn khách lưu trú, tăng cường kinh doanh các dịch vụ ăn uống.
- Có biện pháp thích hợp để khai thác toàn bộ diện tích cao ốc văn phòng Arirang số 131 Trần Huy Liệu.

d) Các lĩnh vực kinh doanh khác:

Tiếp tục nghiên cứu sử dụng các lợi thế của công ty để tăng thêm các lĩnh vực kinh doanh mới. Lựa chọn đầu tư vào các doanh nghiệp có các dự án khả thi để tăng thêm hiệu quả và sức cạnh tranh trên thị trường.

4.3 Các chỉ tiêu kinh tế năm 2011:

- Tổng doanh thu : 1.150 tỷ
- Kim ngạch XK : 20 triệu USD
- Lợi nhuận trước thuế: 75 tỷ
- Chia cổ tức: 25 %

Tổng doanh thu năm 2011 dự kiến tăng 18% so với năm 2010, trong đó chủ yếu tăng doanh thu xuất khẩu nông sản và sản phẩm điện tử.

Lợi nhuận trước thuế phấn đấu đạt 75 tỷ đồng tăng 21% so với năm 2010, đảm bảo cổ tức chia cho cổ đông thấp nhất là 25%. Đây là chỉ tiêu khá nặng nề đòi hỏi sự nỗ lực cao của lãnh đạo và tập thể cán bộ, nhân viên công ty trong tình hình hiện nay.

4.4 Các biện pháp chủ yếu:**a) Về vốn, tài chính:**

- Kiểm soát chặt chẽ, sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn hiện có, trong đó tạm sử dụng nguồn vốn của các dự án đầu tư chưa sử dụng đến đưa vào kinh doanh ngắn hạn để giảm chi phí lãi vay.

- Đề nghị Đại hội đồng cổ đông tiếp tục thực hiện phương án tăng thêm 50 tỷ đồng vốn điều lệ (phương án đã được ĐHĐCĐ năm 2010 thông qua) để bổ sung vốn kinh doanh, giúp công ty chủ động nguồn vốn đủ sức đối phó khi có khó khăn về nguồn tín dụng. Đưa tổng vốn điều lệ công ty lên 200 tỷ đồng vào năm 2012.
- Duy trì quan hệ với các đối tác tài chính đảm bảo các nguồn vốn tín dụng ngắn hạn và trung dài hạn đáp ứng cho hoạt động kinh doanh thương mại và các dự án phát triển của công ty trong thời gian tới, đồng thời chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cần thiết để niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán vào thời điểm thích hợp.
- Phối hợp với các tổ chức tài chính nghiên cứu các hình thức huy động vốn thích hợp, có hiệu quả để phát triển các dự án đầu mới.
- Chuẩn bị các phương án khai thác, thu hồi vốn tại các dự án đã đầu tư để bổ sung vốn cho các dự án đầu tư mới

b) Xây dựng thương hiệu, bảo đảm chất lượng sản phẩm:

- Đẩy mạnh các hoạt động quảng cáo tiếp thị với các hình thức thích hợp với các thị trường và các đối tượng khách hàng khác nhau, ứng dụng tiến bộ công nghệ thông tin để tăng hiệu quả khai thác trên môi trường số. Tiếp tục đầu tư phương tiện, thiết bị, nhân lực để phát triển các hình thức kinh doanh thương mại điện tử và dịch vụ mạng.
- Tăng cường quản lý chất lượng sản phẩm trước khi xuất xưởng, bảo đảm thấp nhất sản phẩm lỗi dưới mức cho phép. Tiếp tục mở rộng mạng lưới phân phối bảo hành sản phẩm tạo thuận lợi cho người tiêu dùng.
- Quản lý tốt quy trình sản xuất hồ tiêu đảm bảo đúng quy trình quản lý theo tiêu chuẩn ISO và HACCP .
- Thực hiện các biện pháp quản lý hàng hóa trong khâu lưu thông, thường xuyên liên hệ với các cơ quan chức năng chống hàng giả bảo vệ thương hiệu và lợi ích người tiêu dùng, chống việc sao chép, xâm phạm quyền tác giả và quyền sở hữu công nghiệp.

c) Đầu tư xây dựng cơ bản:

- Quản lý, đẩy nhanh tiến độ thi công cao ốc văn phòng Maseco số 149-151 Nguyễn Văn Trỗi quận Phú Nhuận, dự kiến hoàn thành đưa vào khai thác trong cuối năm 2011.
- Khởi công xây dựng nhà máy điện tử Hiệp Phước II (diện tích xây dựng khoảng 7.000 m² nhà xưởng), dự kiến hoàn thành vào cuối năm 2011 để di dời xưởng điện tử của công ty.
- Hoàn tất hồ sơ xây dựng nhà máy chế biến hàng nông sản tại khu công nghiệp Đất Cuốc, Bình Dương với quy mô công trình xây dựng khoảng 10.000 m² nhà xưởng. Phần đầu hoàn thành trong năm 2011.
- Chuẩn bị đầy đủ các điều kiện để khởi công xây dựng khách sạn 157 Phan Đăng Lưu quận Phú Nhuận.
- Phối hợp với các đơn vị tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng khách sạn cao cấp tại số 274 Nguyễn Trọng Tuyển theo hướng nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất với quan

điểm vừa góp phần xây dựng cơ sở y tế phục vụ cho cộng đồng, vừa khai thác có hiệu quả cơ sở vật chất hiện có.

d) Kiện toàn tổ chức bộ máy:

- Tiếp tục nghiên cứu cấu trúc bộ máy quản lý điều hành doanh nghiệp phù hợp với quy định pháp luật về tổ chức bộ máy của công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán.
- Củng cố hoạt động của các phòng chức năng đủ mạnh để làm tốt công tác quản lý và tham mưu cho lãnh đạo công ty, chú ý bộ máy quản lý dự án, công nghệ thông tin, quảng cáo tiếp thị và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.
- Nghiên cứu điều chỉnh hình thức hoạt động của các chi nhánh hiện nay theo hướng chuyển đổi thành công ty TNHH, công ty cổ phần để tăng tính chủ động, trách nhiệm trong kinh doanh.

e) Nâng cao năng lực quản lý điều hành:

- Rà soát, điều chỉnh cơ chế tiền lương, tiền thưởng linh hoạt, gắn thu nhập với năng suất, hiệu quả, trách nhiệm của từng người, khuyến khích nâng cao trách nhiệm và hiệu quả công việc có tác động thu hút bổ sung nguồn nhân lực cho quá trình phát triển của công ty.
- Giáo dục nâng cao hiểu biết và ý thức thức pháp luật trong kinh doanh cho đội ngũ cán bộ chủ chốt, đảm bảo mọi hoạt động đều đúng với quy định của pháp luật và của công ty, giữ vững đoàn kết trong nội bộ.
- Bổ sung hoàn thiện các quy chế quản lý nội bộ, đảm bảo chất lượng thông tin chính xác kịp thời. Duy trì phong trào thi đua trong toàn công ty, thực hiện tốt các hình thức khen thưởng kịp thời động viên các tập thể, cá nhân tích cực đem lại hiệu quả cao cho doanh nghiệp.
- Phát động phong trào tiết kiệm trong sản xuất kinh doanh, chống tiêu cực, chống lãng phí để giảm chi phí, hạ giá thành tăng sức cạnh tranh cho sản phẩm.

5. Thông tin về Cổ đông/thành viên góp vốn và Quản trị Công ty

5.1 Kết quả thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2010

Thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên, năm 2010 Hội đồng quản trị Công ty đã lãnh đạo hoạt động theo định hướng Thương mại – xuất nhập khẩu – sản xuất và dịch vụ. Với phương châm tận trọng-an toàn-hiệu quả, công ty đã nỗ lực khắc phục những khó khăn của thị trường, tổ chức sản xuất kinh doanh với những kết quả đạt được như sau:

- Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh sản phẩm điện tử được duy trì phát triển mạnh, đưa ra nhiều dòng sản phẩm công nghệ mới, kỹ thuật tiên tiến, thích hợp với nhiều phân khúc thị trường phù hợp với sở thích, thu nhập của các đối tượng khách hàng. Bên cạnh đó công ty đầu tư mạnh cho hoạt động quảng bá, tiếp thị xây dựng thương hiệu bằng nhiều hình thức sinh động, ứng dụng có hiệu quả công cụ giao dịch trên mạng internet tạo sự liên hệ nhanh chóng, tiện lợi cho khách hàng trong và ngoài nước, Đặc biệt công ty đã tích cực hưởng ứng cuộc vận động “người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” tham gia các chương trình “hàng Việt về nông thôn” góp phần khắc phục khó khăn chung mở

rộng thị trường, tăng thị phần, tăng uy tín thương hiệu Arirang, được bình chọn là thương hiệu nổi tiếng và Hàng Việt Nam chất lượng cao.

- Công ty tiếp tục đẩy mạnh thu mua, chế biến xuất khẩu nông sản với hai mặt hàng chủ lực là Cà phê nhân và Hồ tiêu. Công ty chú trọng củng cố công tác quản lý, điều hành nắm sát diễn biến thị trường trong và ngoài nước có biện pháp thích hợp tăng sản lượng, tăng kim ngạch xuất khẩu, giảm thiểu rủi ro, bảo đảm hiệu quả. Năm 2010 công ty đã xuất khẩu trên 2.700 tấn hồ tiêu, 5.400 tấn cà phê nhân, kim ngạch xuất khẩu đạt 17 triệu USD tăng 196% so với năm 2009. Sản phẩm tiêu bột tiếp tục phát triển tốt ở thị trường trong nước và xuất khẩu, đã được cấp chứng nhận quản lý theo tiêu chuẩn ISO và HACCP.
- Lĩnh vực kinh doanh khách sạn nhà hàng có khó khăn do việc nâng cấp, sửa chữa và củng cố bộ máy điều hành. Tuy nhiên khách sạn Hoa Mai đã cố gắng công suất sử dụng phòng đạt trên 85%, nhà hàng và các dịch vụ phục vụ ngày càng tốt hơn, đảm bảo được doanh thu và lợi nhuận.

5.2 Hoạt động của Ban Kiểm soát

Trong năm 2010, Ban Kiểm Soát đã kiểm tra tình hình hoạt động, thẩm định Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo theo định kỳ (6 tháng, 9 tháng, cả năm)

Tuân thủ các chuẩn mực kế toán và chế độ tài chính hiện hành trong việc ghi nhận tài sản, nguồn vốn, doanh thu và chi phí; xác định kết quả kinh doanh trong kỳ, tính tuân thủ chế độ hiện hành trong công tác hạch toán kế toán.

Kiểm tra tình hình tài chính gồm: xác định cơ cấu tài sản (ngắn hạn, dài hạn), cơ cấu nguồn vốn (nợ phải trả và vốn chủ sở hữu) trong từng kỳ

Phối hợp cùng Ban điều hành kiểm tra tình hình hoạt động ở các công ty thành viên trực thuộc, hệ thống cửa hàng, chi nhánh.

Đưa ra những kiến nghị nhằm khắc phục những tồn tại trong công tác quản trị tài chính, quản trị tài sản của công ty.

5.3 Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng trong năm 2010

TT	Họ tên	Chức vụ	SLCP	Tỷ lệ
1	Trương Thị Thanh Tâm	Chủ tịch HĐQT	688.539	4,59%
2	Nguyễn Xuân Hàn	Phó Chủ tịch HĐQT – TGD	1.205.039	8,03%
3	Đỗ Hướng Dương	Thành viên HĐQT, Phó TGD	529.539	3,53%
4	Trịnh Ngọc Minh	Thành viên HĐQT, Phó TGD	1.118.539	7,46%
5	Lê Thiện Hưng	Thành viên HĐQT	687.939	4,59%
6	Nguyễn Tấn Phi Khanh	Thành viên HĐQT	334.039	2,23%

7	Trần Thị Lụa	Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng	528.439	3,52%
8	Nguyễn Thị Thanh Tùng	Trưởng Ban Kiểm soát	140.379	0,94%
9	Lê Thị Hiền Diệu	Thành viên BKS	47.499	0,32%
10	Đặng Văn Tuấn	Thành viên BKS	40.000	0,27%

5.4 Cơ cấu cổ đông

T T	Phân loại cổ đông	Khối lượng	Tỷ lệ	SL cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	-	-	-	-	-
2	HĐQT, BGD, BKS, KTT	4.114.912	27,43%	10	-	10
3	Cổ đông trong nước	8.835.088	58,90%	295	6	289
4	Cổ đông nước ngoài	2.050.000	13,67%	3	3	
TỔNG CỘNG		15.000.000	100%	308	9	299

5.5 Danh sách cổ đông lớn (sở hữu trên 5% Vốn Điều lệ)

Danh sách cổ đông chốt tại thời điểm 16g00 ngày 26/03/2011 như sau:

Nội dung	SL cổ đông	Khối lượng	Tỷ lệ
Cổ đông lớn nắm giữ trên 5% số cổ phần có quyền biểu quyết	05	5.230.738	34,87%
Trong đó:			
- Trong nước	03	3.230.738	21,54%
- Nước ngoài	02	2.000.000	13,33%
Cổ đông nắm giữ dưới 5% số cổ phần có quyền biểu quyết	303	9.769.262	65,13%
Trong đó:			
- Trong nước	302	9.719.262	64,80%
- Nước ngoài	01	50.000	0,33%

5.6 Hệ thống quản trị

5.6.1 Danh sách Hội đồng quản trị:

a) Chủ tịch HĐQT – Bà Trương Thị Thanh Tâm

Ngày tháng năm sinh :15/8/1947

Trình độ văn hóa :12/12

Trình độ chuyên môn : Trung cấp

b) Phó Chủ tịch HĐQT – Ông Nguyễn Xuân Hàn

Ngày tháng năm sinh : 11/8/1957

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Đại học

c) Thành viên HĐQT – Ông Đỗ Hướng Dương

Ngày tháng năm sinh : 27/02/1958

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Đại học

d) Thành viên HĐQT – Ông Trịnh Ngọc Minh

Ngày tháng năm sinh : 24/09/1962

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Đại học

e) Thành viên HĐQT – Ông Nguyễn Tấn Phi Khanh

Ngày tháng năm sinh : 02/5/1967

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Đại học

f) Thành viên HĐQT – Ông Lê Thiện Hưng

Ngày tháng năm sinh : 05/08/1969

Trình độ văn hóa : 12./12

Trình độ chuyên môn : Đại học

g) Thành viên HĐQT – Bà Trần Thị Lụa

Ngày tháng năm sinh : 08/08/1966

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Đại học

5.6.2 Danh sách Ban kiểm soát**a) Trưởng Ban kiểm soát – Bà Nguyễn Thị Thanh Tùng**

Ngày tháng năm sinh : 19/10/1964

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Đại học

b) Thành viên Ban kiểm soát – Bà : Lê Thị Hiền Diệu

Ngày tháng năm sinh : 11/10/1964

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cao đẳng

c) Thành viên Ban kiểm soát – Ông : Đặng Văn Tuấn

Ngày tháng năm sinh : 20/01/1957

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Đại học

5.6.3 Danh sách Ban Tổng Giám Đốc

- Tổng Giám đốc - Ông Nguyễn Xuân Hàn: Lý lịch trình bày tại phần b của HĐQT
- Phó Tổng giám đốc – Ông Đỗ Hướng Dương: Lý lịch trình bày tại phần c của HĐQT
- Phó Tổng giám đốc – Ông Trịnh Ngọc Minh: Lý lịch trình bày tại phần d của HĐQT

Phụ lục: Báo cáo tài chính năm 2010 đã được kiểm toán (đính kèm)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Hội đồng Quản trị trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

1. Thông tin chung về công ty:

Thành lập:

Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Phú Nhuận là Doanh nghiệp Nhà Nước được Cổ phần hoá theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu Công ty Cổ phần số 4103000625 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP. HCM cấp ngày 02 tháng 10 năm 2001, đã đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 30 tháng 01 năm 2011.

Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần.

Hoạt động chính của Công ty:

Ngành nghề kinh doanh: Xuất nhập khẩu hàng hóa tiêu dùng và vật tư sản xuất. Sản xuất, chế biến hàng xuất khẩu. Kinh doanh bất động sản, khách sạn, nhà hàng, văn phòng, kho bãi, cửa hàng, công trình dân dụng. Kinh doanh ngành nghề khác theo quy định của pháp luật. Kinh doanh vật tư, nguyên liệu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), máy móc thiết bị, hàng kim khí điện máy, đồ điện gia dụng, điện tử, vi tính, mỹ phẩm, quần áo, vải sợi, xăng dầu, vật liệu xây dựng, phân bón, thuốc trừ sâu, lương thực, thực phẩm, rượu, bia, thuốc lá nội, hàng tiêu dùng sản xuất trong nước và nhập khẩu. Kinh doanh bất động sản. Giao nhận vận chuyển hàng hóa trong nước và xuất nhập khẩu. Sản xuất, gia công lắp ráp máy móc, thiết bị điện, điện tử, công nghệ phần mềm. Dịch vụ Karaoke, giải trí, thể thao. Sản xuất phát hành chương trình ca nhạc, chương trình Karaoke (có nội dung được phép lưu hành), gia công phối âm, thu âm. Sản xuất, mua bán điện thoại cố định, điện thoại di động, linh kiện phụ tùng, thiết bị viễn thông. Dịch vụ cài đặt nhạc chuông, bài hát, hình ảnh cho điện thoại di động. Dịch vụ cung cấp thông tin lên mạng. Dịch vụ Quảng cáo. Dịch vụ trông giữ xe

(không hoạt động tại trụ sở).

Trụ sở chính: Số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP.HCM.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:

Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này gồm có:

Thành viên Hội đồng Quản trị

Bà Trương Thị Thanh Tâm

Ông Nguyễn Xuân Hàn

Ông Nguyễn Tấn Phi Khanh

Ông Lê Thiện Hưng

Bà Trần Thị Lụa

Ông Đỗ Hướng Dương

Ông Trịnh Ngọc Minh

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ủy viên Hội đồng Quản trị

Ủy viên Hội đồng Quản trị

Ủy viên Hội đồng Quản trị

Ủy viên Hội đồng Quản trị

Ủy viên Hội đồng Quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Xuân Hàn

Ông Đỗ Hường Dương

Ông Trịnh Ngọc Minh

Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Bà Trần Thị Lua

Kế toán trưởng

5. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp.HCM (AISC) được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

6. Cam kết của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

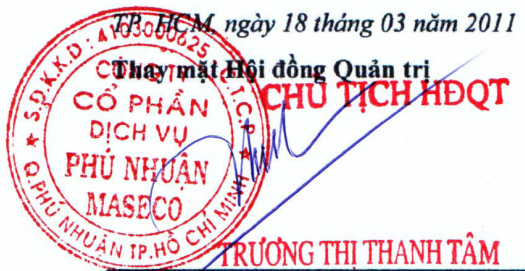
- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

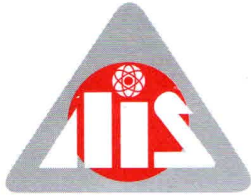
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán đã đăng ký được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

7. Xác nhận

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.





CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
Auditing & Informatic Services Company Limited
Office: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh
Tel: (84.8) 3930 5163 (10 Lines) **Fax:** (84.8) 3930 4281
Email: aisc@aisc.com.vn **Website:** www.aisc.com.vn



Số: 0610307-1/AISC-DN7

BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN

Kính gửi:

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc.
Công ty Cổ phần Dịch vụ Phú Nhuận

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, được lập ngày 30 tháng 01 năm 2011 của CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN từ trang 04 đến trang 25 kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm Ban Tổng Giám đốc quý Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là căn cứ vào việc kiểm toán để hình thành một ý kiến độc lập về các báo cáo tài chính này.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của Chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo quan điểm của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. HCM, ngày 18 tháng 03 năm 2011

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

KIỂM TOÁN VIÊN

Huỳnh Thị Thu Thủy

Số chứng chỉ KTV: 0978/KTV
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp



Dặng Ngọc Tú

Số chứng chỉ KTV: 0213/KTV
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

Branch in Ha Noi : C2 Room, 24 Floor - E9 Lot, VIMECO Building, Pham Hung St, Cau Giay Dist, Ha Noi

Branch in Da Nang : 36 Ha Huy Tap St, Thanh Khe Dist, Da Nang

Representative in Can Tho : 5Đ, 30/4 St., Ninh Kiều Dist, Can Tho City.

Representative in Hai Phong : 18 Hoàng Văn Thụ St, Hong Bang Dist, Hai Phong

Tel : (04) 3782 0045 /46 /47 Fax : (04) 3782 0048

Tel : (0511) 371 5619

Tel : (0710) 3813 004

Tel : (031) 3569 577

Fax : (0511) 371 5620

Fax : (0710) 3828 765

Fax : (031) 3569 576

Email: aishn@hn.vnn.vn

Email: aisc@da.nang.vnn.vn

Trang 3

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		398,063,227,397	237,455,302,897
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	54,803,796,910	10,224,299,747
1. Tiền	111		34,803,796,910	10,224,299,747
2. Các khoản tương đương tiền	112		20,000,000,000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng đầu tư ngắn hạn khác	122		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		118,118,524,996	67,979,964,933
1. Phải thu của khách hàng	131		49,043,002,023	33,558,062,659
2. Trả trước cho người bán	132		100,692,628,045	41,465,177,761
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.02	682,306,753	8,691,724,513
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(32,299,411,825)	(15,735,000,000)
IV. Hàng tồn kho	140	V.03	216,163,382,506	158,337,382,948
1. Hàng tồn kho	141		216,163,382,506	158,337,382,948
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8,977,522,985	913,655,269
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2,594,800,032	414,984,863
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6,272,795,725	209,572,173
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nh à nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.04	109,927,228	289,098,233

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		132,071,529,855	102,937,398,716
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		113,292,831,106	87,438,149,662
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	45,072,761,042	28,548,965,890
- Nguyên giá	222		60,235,001,381	40,426,525,151
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15,162,240,339)	(11,877,559,261)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.06	8,786,391,357	-
- Nguyên giá	228		8,786,391,357	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.07	59,433,678,707	58,889,183,772
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.09	6,967,200,000	3,324,600,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		1,500,000,000	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		5,467,200,000	3,324,600,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260	V.08	11,811,498,749	12,174,649,054
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		11,801,498,749	11,921,498,749
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	243,150,305
3. Tài sản dài hạn khác	263		10,000,000	10,000,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		530,134,757,252	340,392,701,613

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		205,875,681,037	240,667,462,712
I. Nợ ngắn hạn	310		183,252,787,587	230,107,681,655
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	131,941,385,060	174,125,021,923
2. Phải trả cho người bán	312		4,148,975,498	7,575,241,821
3. Người mua trả tiền trước	313		2,887,893,765	2,517,539,583
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	7,819,599,847	8,656,143,812
5. Phải trả người lao động	315		20,095,991,090	24,884,841,853
6. Chi phí phải trả	316	V.12	7,900,766,837	4,903,579,633
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.13	375,811,338	404,488,315
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		8,082,364,152	7,040,824,715
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		22,622,893,450	10,559,781,057
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		322,500,000	307,500,000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.14	21,337,473,730	10,252,281,057
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		962,919,720	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		324.259.076.215	99.725.238.901
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	324.259.076.215	99.725.238.901
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		150.000.000.000	60.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		124.742.000.000	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(3.072.858.273)	(352.115.602)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		15.450.009.769	14.129.543.045
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		5.073.319.144	3.437.664.984
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.761.990.100	1.796.883.100
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		30.304.615.475	20.713.263.374
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		530.134.757.252	340.392.701.613

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		13.969.498.076	6.400.000.000
5. Ngoại tệ các loại		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Kế toán trưởng



Trần Thị Lụa

Tp. HCM, ngày 30 tháng 01 năm 2011



Tổng Giám đốc

Nguyễn Xuân Hàn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI. 16	971.155.627.450	642.082.481.849
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI. 17	31.212.364	149.739.281
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ				
3. vụ	10	VI. 18	971.124.415.086	641.932.742.568
4. Giá vốn hàng bán	11	VI. 19	785.577.075.405	495.969.315.246
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ				
5. vụ	20		185.547.339.681	145.963.427.322
(20 = 10 - 11)				
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.20	4.621.145.493	405.306.351
7. Chi phí tài chính	22	VI.21	30.638.536.448	24.676.464.967
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		15.345.427.516	11.028.918.361
8. Chi phí bán hàng	24		26.751.853.512	29.243.788.540
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		70.408.550.974	55.495.075.207
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		62.369.544.240	36.953.404.959
(30 = 20 + 21 - 22 - 24 - 25)				
11. Thu nhập khác	31	V.22	1.246.355.175	1.270.027.324
12. Chi phí khác	32		125.274.786	1.851
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.121.080.389	1.270.025.473
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		63.490.624.629	38.223.430.432
(50 = 30 + 40)				
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.23	12.509.770.363	5.753.497.363
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		243.150.305	(243.150.305)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		50.737.703.961	32.713.083.374
(60 = 50 - 51 - 52)				
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.24	5.059	5.452

Kế toán trưởng



Trần Thị Lụa

Tp. HCM, ngày 30 tháng 01 năm 2011



Tổng Giám đốc

Nguyễn Xuân Hàn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2010	Năm 2009
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ, doanh thu khác	01	1.357.192.703.653	974.187.887.241
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02	(858.256.896.796)	(525.118.511.585)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(37.397.669.681)	(28.421.049.121)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(15.345.635.750)	(11.028.918.361)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(12.864.471.060)	(2.102.230.372)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	307.340.153.824	102.528.657.434
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(91.242.473.032)	(106.602.807.169)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD	20	649.425.711.158	403.443.028.067
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSCĐ khác	21	(267.745.707)	(4.498.752.857)
2. Tiền thu từ thanh lý, bán TSCĐ và các TSDH khác	22	100.000.000	5.800.000
3. Tiền chi cho vay, mua bán công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi góp vốn đầu tư vào đơn vị khác	25	(1.700.000.000)	(1.100.000.000)
6. Tiền thu hồi vốn đầu tư vào đơn vị khác	26	827.726.760	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức lợi nhuận được chia	27	75.000.000	354.876.012
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30	(965.018.947)	(5.238.076.845)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	23.200.000	9.100.000
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	7.732.900.000	13.519.754.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(582.698.326.742)	(414.823.783.146)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(28.938.968.306)	(14.400.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(603.881.195.048)	(415.694.929.146)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2010	Năm 2009
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ ($50 = 20+30+40$)	50	44.579.497.163	(17.489.977.924)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	10.224.299.747	27.714.277.671
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ ($70 = 50+60+61$)	70	<u>54.803.796.910</u>	<u>10.224.299.747</u>

Kế toán trưởng



Trần Thị Lụa

Tp. HCM, ngày 30 tháng 01 năm 2011



Tổng Giám đốc

Nguyễn Xuân Hàn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**Đơn vị tính: Đồng Việt Nam***I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1. Thành lập:**

Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Phú Nhuận là Doanh nghiệp Nhà Nước được Cổ phần hoá theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu Công ty Cổ phần số 4103000625 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP. HCM cấp ngày 02 tháng 10 năm 2001, đã đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 30 tháng 01 năm 2011.

2. Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần.**3. Lĩnh vực kinh doanh:** Thương mại, dịch vụ**4. Ngành nghề kinh doanh:**

Ngành nghề kinh doanh: Xuất nhập khẩu hàng hóa tiêu dùng và vật tư sản xuất. Sản xuất, chế biến hàng xuất khẩu. Kinh doanh bất động sản, khách sạn, nhà hàng, văn phòng, kho bãi, cửa hàng, công trình dân dụng. Kinh doanh ngành nghề khác theo quy định của pháp luật. Kinh doanh vật tư, nguyên liệu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), máy móc thiết bị, hàng kim khí điện máy, đồ điện gia dụng, điện tử, vi tính, mỹ phẩm, quần áo, vải sợi, xăng dầu, vật liệu xây dựng, phân bón, thuốc trừ sâu, lương thực, thực phẩm, rượu, bia, thuốc lá nội, hàng tiêu dùng sản xuất trong nước và nhập khẩu. Kinh doanh bất động sản. Giao nhận vận chuyển hàng hóa trong nước và xuất nhập khẩu. Sản xuất, gia công lắp ráp máy móc, thiết bị điện, điện tử, công nghệ phần mềm. Dịch vụ Karaoke, giải trí, thể thao. Sản xuất phát hành chương trình ca nhạc, chương trình Karaoke (có nội dung được phép lưu hành), gia công phối âm, thu âm. Sản xuất, mua bán điện thoại cố định, điện thoại di động, linh kiện phụ tùng, thiết bị viễn thông. Dịch vụ cài đặt nhạc chuông, bài hát, hình ảnh cho điện thoại di động. Dịch vụ cung cấp thông tin Internet. Dịch vụ Quảng cáo. Dịch vụ trông giữ xe (khí

Giáo dục trung học phổ thông, trung học chuyên nghiệp.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có.**6. Tổng số nhân viên đến cuối năm: 244 người****II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hệ thống kế toán Việt Nam được Bộ Tài Chính ban hành theo Quyết Định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và các thông tư sửa đổi bổ sung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**Đơn vị tính: Đồng Việt Nam***2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

3. Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký Sổ Cái

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền.**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán.

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ bằng các đơn vị tiền tệ khác với Đồng Việt Nam (VNĐ) được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế tại thời điểm phát sinh, chênh lệch tỷ giá được tính vào thu nhập hoặc chi phí tài chính và được phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu ch ừa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: thực tế đích danh

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**Đơn vị tính: Đồng Việt Nam***4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):****4.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

4.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

4.4 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	7 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	5 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	4 - 5 năm

5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm: chi phí xây dựng các công trình và nhà máy tiêu.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con: khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của Công ty đó. Khi Công ty không còn nắm giữ quyền kiểm soát Công ty con thì ghi giảm khoản đầu tư vào công ty con. Các khoản đầu tư vào Công ty con được phản ánh trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

Phương pháp giá gốc là phương pháp kế toán mà khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh chỉ phản ánh khoản thu nhập của các nhà đầu tư được phân chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**Đơn vị tính: Đồng Việt Nam***Phương pháp lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính:**

Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn và dài hạn được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường) của chứng khoán đầu tư giảm xuống thấp hơn giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn được lập khi Công ty khi xác định được các khoản đầu tư này bị giảm sút giá trị không phải tạm thời và ngoài kế hoạch do kết quả hoạt động của các công ty được đầu tư bị lỗ.

Mức lập dự phòng được xác định bằng chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường) hoặc giá trị khoản đầu tư có thể thu hồi được và giá gốc ghi trên sổ kế toán của các khoản đầu tư.

Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ: Trường hợp phát sinh các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác:

Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn tại công ty bao gồm: Tiền thuê văn phòng, công cụ dụng cụ và các chi phí khác... liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán cần phải phân bổ.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 12 tháng đến 48 tháng.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

Nguồn vốn kinh doanh được hình thành từ số tiền mà các thành viên hay cổ đông đã góp vốn mua cổ phần, cổ phiếu, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị Quyết của Đại Hội Đồng cổ đông hoặc theo quy định trong điều lệ hoạt động của Công ty. Nguồn vốn kinh doanh được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của công ty.

Nguyên tắc ghi nhận thặng dư vốn cổ phần và vốn khác.

+ **Thặng dư vốn cổ phần:** Phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa số tiền thực tế thu được so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng, giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Trường hợp mua lại cổ phiếu để hủy bỏ ngay tại ngày mua thì giá trị cổ phiếu được ghi giảm nguồn vốn kinh doanh tại ngày mua là giá thực tế mua lại và cũng phải ghi giảm nguồn vốn kinh doanh chi tiết theo mệnh giá và phần thặng dư vốn cổ phần của cổ phiếu mua lại.

+ **Vốn khác:** Phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản.

+ **Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**Đơn vị tính: Đồng Việt Nam*

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và quyết định của Hội đồng Quản trị Công ty.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 4. Doanh nghiệp đã thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 2. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, lãi chênh lệch tỷ giá.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định gồm tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ kế toán

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành theo luật thuế TNDN hiện hành được ghi nhận.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản, nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2010	01/01/2010
Tiền	34,803,796,910	10,224,299,747
Tiền mặt	738,895,218	1,470,245,302
- Văn phòng Công ty	672,070,162	1,383,492,950
- Chi nhánh Gia Lai	54,495,880	26,150,982
- Chi nhánh Hà Nội	11,647,133	30,185,535
- Chi nhánh Đà Nẵng	682,043	30,415,835
Tiền gửi ngân hàng	34,064,901,692	8,754,054,445
- Tiền gửi VND	16,282,529,785	8,602,804,638
- Tiền gửi USD	938,993.53	8,135.00
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	20,000,000,000	-
Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng	20,000,000,000	-
Cộng	54,803,796,910	10,224,299,747
2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	31/12/2010	01/01/2010
- Văn phòng Công ty	210,619,000	8,031,857,076
- Khách sạn Hoa Mai		646,293
- Chi nhánh Gia Lai	150,235,414	150,235,414
- Trung tâm DV Điện tử	321,452,339	
- VAT chưa kê khai		508,985,730
Cộng	682,306,753	8,691,724,513
3. Hàng tồn kho	31/12/2010	01/01/2010
Hàng mua đang đi đường	1,721,424,000	1,273,409,000
Nguyên liệu, vật liệu	51,545,028,038	46,372,083,403
Công cụ, dụng cụ	1,368,940,571	1,635,308,243
Chi phí SX, KD dở dang	-	-
Thành phẩm	131,402,385	562,930,928
Hàng hoá	159,477,808,512	107,512,606,974
Hàng gửi đi bán	1,918,779,000	981,044,400
Cộng giá gốc hàng tồn kho	216,163,382,506	158,337,382,948
(-) Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng giá trị thuần hàng tồn kho	216,163,382,506	158,337,382,948

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Tài sản ngắn hạn khác	31/12/2010	01/01/2010
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	-	-
Thuế GTGT hàng nội địa nộp thừa	-	-
Tài sản ngắn hạn khác	109,927,228	289,098,233
Tạm ứng	109,927,228	289,098,233
Cộng	109,927,228	289,098,233

5. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	23,526,833,403	7,633,823,468	9,265,868,280	40,426,525,151
Mua trong năm	19,095,000,000	875,240,632		19,970,240,632
Thanh lý, nhượng bán			161,764,402	161,764,402
Số dư cuối năm	42,621,833,403	8,509,064,100	9,104,103,878	60,235,001,381
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	5,266,820,686	3,445,310,066	3,165,428,509	11,877,559,261
Khấu hao trong năm	1,514,288,651	941,896,189	913,230,338	3,369,415,178
Tăng khác				-
Thanh lý, nhượng bán			84,734,100	84,734,100
Giảm khác				-
Số dư cuối năm	6,781,109,337	4,387,206,255	3,993,924,747	15,162,240,339
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	18,260,012,717	4,188,513,402	6,100,439,771	28,548,965,890
Số dư cuối năm	35,840,724,066	4,121,857,845	5,110,179,131	45,072,761,042

* Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.144.748.439 VNĐ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm		-
Mua trong năm	8,786,391,357	8,786,391,357
Thanh lý, nhượng bán		-
Số dư cuối năm	8,786,391,357	8,786,391,357
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm		-
Khấu hao trong năm	-	-
Tăng khác	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Giảm khác	-	-
Số dư cuối năm	-	-
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	-	-
Số dư cuối năm	8,786,391,357	8,786,391,357

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2010	01/01/2010
Bao gồm các công trình		
- Nhà máy tiêu bột - Gia Lai	1,970,280,160	1,970,280,160
- Nhà 78A Nguyễn Văn Trỗi	10,765,011,038	10,053,626,420
- Công trình 131 Trần Huy Liệu	22,841,348,263	4,729,843,593
- Công trình 149-151 Nguyễn Văn Trỗi	9,692,499,420	838,087,273
- Công trình 157 Phan Đăng Lưu	161,914,750	118,713,000
- Công trình Hiệp Phước 1	3,724,933,000	
- Công trình Hiệp Phước 2	2,569,711,772	
- Kho 34 Xa Lộ Hà Nội	20,870,000	29,144,997,000
- Quyền sử dụng đất chưa hoàn thành thủ tục pháp lý	7,687,110,304	12,033,636,326
Cộng	59,433,678,707	58,889,183,772

8. Chi phí trả trước dài hạn và tài sản dài hạn khác

	31/12/2010	01/01/2010
Chi phí trả trước dài hạn	11,801,498,749	11,921,498,749
Phí quảng cáo sân bóng Phú Nhuận	600,000,000	720,000,000
Tiền thuê đất dài hạn KCN Hiệp Phước	6,228,391,381	6,228,391,381
Tiền thuê đất dài hạn KCN Đất Cước	4,973,107,368	4,973,107,368
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	243,150,305
Tài sản dài hạn khác	10,000,000	10,000,000
Ký quỹ ký cược dài hạn	10,000,000	10,000,000
Cộng	11,811,498,749	12,174,649,054

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2010		01/01/2010	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư vào công ty con				
Đầu tư vào cty liên kết, liên doanh		1,500,000,000		
- Cty CN Điện tử Phương Đông		1,500,000,000		
Đầu tư dài hạn khác	-	5,467,200,000	-	3,324,600,000
Đầu tư cổ phiếu		3,867,200,000		1,901,400,000
- Cty CP DV Phú Nhuận (Công đoàn)		3,867,200,000		1,001,400,000
- Cty CP Phát triển KT Phú Nhuận				900,000,000
Đầu tư trái phiếu		100,000,000		123,200,000
Đầu tư dài hạn khác		1,500,000,000		1,300,000,000
- Cty CN Điện tử Phương Đông				300,000,000
- Cty CP DV và xúc tiến TM		500,000,000		
- Góp vốn cơ sở Thiên Phước		1,000,000,000		1,000,000,000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn				
Cộng	-	6,967,200,000	-	3,324,600,000

10. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2010	01/01/2010
Vay ngắn hạn	130,274,705,060	172,953,021,923
Nợ dài hạn đến hạn trả	1,666,680,000	1,172,000,000
Cộng	131,941,385,060	174,125,021,923

Khoản vay ngắn hạn chi tiết như sau:

- Vay bằng VND:	3,850,885,120	48,322,384,869
+ Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - CN Bình Tây	3,810,885,120	9,233,691,200
+ Ngân hàng ĐT và PT Việt Nam - CN HCM		19,376,393,669
+ Vay huy động cá nhân	40,000,000	19,712,300,000
- Vay bằng USD	126,423,819,941	124,630,637,054
+ Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - CN Bình Tây	69,081,139,509	51,162,905,871
# USD	3,648,908.70	1,851,863.92
+ Ngân hàng ĐT và PT Việt Nam - CN HCM	57,342,680,432	63,741,699,791
# USD	3,028,876.00	2,538,382.00
+ Vay huy động cá nhân		9,726,031,392
# USD		542,112.00

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2010	01/01/2010
Thuế giá trị gia tăng		2,470,363,316
Thuế tiêu thụ đặc biệt	1,322,307	4,426,153
Thuế xuất, nhập khẩu	594,345,935	427,856,980

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Thuế thu nhập doanh nghiệp	5,919,565,152	5,753,497,363	
Thuế thu nhập cá nhân	1,304,366,453	-	
Cộng	7,819,599,847	8,656,143,812	
12. Chi phí phải trả	31/12/2010	01/01/2010	
Trích trước phí bảo hành sản phẩm	7,898,000,000	4,894,245,455	
Trích trước phí khác	2,766,837	9,334,178	
Cộng	7,900,766,837	4,903,579,633	
13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	31/12/2010	01/01/2010	
Kinh phí công đoàn	-	-	
Bảo hiểm xã hội	24,274,704	20,560,680	
Các khoản phải trả, phải nộp khác	351,536,634	383,927,635	
Bao gồm:			
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn (VP Công ty)		222,708,655	
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn (KS Hoa Mai)	144,782,400	161,218,980	
Khác	206,754,234		
Cộng	375,811,338	404,488,315	
14. Vay và nợ dài hạn	31/12/2010	01/01/2010	
Vay dài hạn	21,337,473,730	10,252,281,057	
Vay ngân hàng	21,337,473,730	10,252,281,057	
+ Ngân hàng Vietcombank CN Bình Tây	21,337,473,730	10,252,281,057	
Nợ dài hạn	-	-	
Cộng	21,337,473,730	10,252,281,057	
15. Vốn chủ sở hữu			
a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu			
b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu			
	Tỷ lệ vốn góp	31/12/2010	01/01/2010
Vốn góp của Nhà nước	0%	-	-
Vốn góp của các nhà đầu tư khác	100%	150,000,000,000	60,000,000,000
- Nguyễn Xuân Hàn	8%	12,050,390,000	6,270,000,000
- Trịnh Ngọc Minh	7%	11,185,390,000	5,550,000,000
- Trương Thị Thanh Tâm	5%	6,885,390,000	3,660,000,000
- Lê Thiện Hưng	5%	6,879,390,000	3,575,400,000
- Đỗ Hướng Dương	4%	5,295,390,000	2,760,000,000
- Trần Thị Lua	4%	5,284,390,000	2,515,200,000
- Nguyễn Tấn Phi Khanh	2%	3,340,390,000	1,770,000,000
- Các cổ đông khác	66%	99,079,270,000	33,899,400,000
Cổ phiếu quỹ			
Cộng	100%	150,000,000,000	60,000,000,000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**Đơn vị tính: Đồng Việt Nam***22. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	60,000,000,000			10,308,694,166	2,205,111,929	614,983,100	13,850,798,847	86,979,588,042
- Tăng vốn trong năm nay								-
- Lãi trong năm							32,713,083,374	32,713,083,374
- Tăng khác								-
- Trích lập quỹ				3,820,848,879	1,232,553,055	1,500,000,000	(6,553,401,934)	-
- Sử dụng quỹ						(318,100,000)		(318,100,000)
- Chia cổ tức							(14,400,000,000)	(14,400,000,000)
- Giảm khác			(352,115,602)				(4,897,216,913)	(5,249,332,515)
Số dư cuối năm trước	60,000,000,000	-	(352,115,602)	14,129,543,045	3,437,664,984	1,796,883,100	20,713,263,374	99,725,238,901
Số dư đầu năm nay	60,000,000,000	-	(352,115,602)	14,129,543,045	3,437,664,984	1,796,883,100	20,713,263,374	99,725,238,901
- Tăng vốn trong năm	90,000,000,000	124,742,000,000						214,742,000,000
- Lãi trong năm							50,737,703,961	50,737,703,961
- Tăng khác			352,115,602					352,115,602
- Trích lập quỹ				1,320,466,724	1,635,654,160	2,101,000,000	(4,456,120,884)	601,000,000
- Sử dụng quỹ						(2,135,893,000)		(2,135,893,000)
- Chia cổ tức							(28,912,500,000)	(28,912,500,000)
- Giảm khác			(3,072,858,274)				(7,777,730,975)	(10,850,589,249)
Số dư cuối năm nay	150,000,000,000	124,742,000,000	(3,072,858,274)	15,450,009,769	5,073,319,144	1,761,990,100	30,304,615,476	324,259,076,215

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm 2010	Năm 2009
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
<i>Vốn góp đầu năm</i>	60,000,000,000	60,000,000,000
<i>Vốn góp tăng trong năm</i>	90,000,000,000	
<i>Vốn góp giảm trong năm</i>		
<i>Vốn góp cuối năm</i>	150,000,000,000	60,000,000,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
d. Cổ tức	Năm 2010	Năm 2009
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ (*)	chưa công bố	35%
<i>Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường</i>		
<i>Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi</i>		
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa ghi nhận	-	-
(*) <i>Cổ tức dự kiến</i>		
đ. Cổ phiếu	Năm 2010	Năm 2009
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15,000,000	6,000,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15,000,000	6,000,000
<i>Cổ phiếu thường</i>	15,000,000	6,000,000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu thường</i>		
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15,000,000	6,000,000
<i>Cổ phiếu thường</i>	15,000,000	6,000,000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	10,000	10,000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HĐKD

16. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2010	Năm 2009
Doanh thu bán hàng	959,657,676,714	623,332,267,319
<i>Văn phòng Công ty</i>	333,939,673,035	155,102,055,759
<i>Trung tâm DV Điện tử</i>	506,455,142,081	399,162,071,787
<i>Chi nhánh Gia Lai</i>	12,983,365,270	27,801,848,704
<i>Chi nhánh Hà Nội</i>	65,514,954,988	40,738,708,739
<i>Chi nhánh Đà Nẵng</i>	40,764,541,340	527,582,330
Doanh thu cung cấp dịch vụ	11,497,950,736	13,772,780,869
<i>Cho thuê nhà kho</i>	1,707,088,757	1,003,350,703
<i>Khách sạn Hoa Mai</i>	9,790,861,979	11,339,575,753
<i>TT dịch vụ trông giữ xe</i>	-	1,413,238,182
<i>Khác</i>		16,616,231
Doanh thu tiêu dùng nội bộ		4,977,433,661
Cộng	971,155,627,450	642,082,481,849

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

17. Các khoản giảm trừ doanh thu	31,212,364	149,739,281
Hàng bán bị trả lại	18,431,669	43,435,520
Thuế GTGT phải nộp (Phương pháp trực tiếp)		26,604,752
Thuế tiêu thụ đặc biệt	12,780,695	79,699,009
18. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2010	Năm 2009
Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hóa	959,626,464,350	623,182,528,038
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	11,497,950,736	13,772,780,869
Doanh thu thuần tiêu dùng nội bộ	-	4,977,433,661
Cộng	971,124,415,086	641,932,742,568
19. Giá vốn hàng bán	Năm 2010	Năm 2009
Văn phòng Công ty	325,848,041,814	151,991,975,703
Trung tâm DV Điện tử	345,441,419,417	272,344,748,637
Chi nhánh Gia Lai	9,076,342,388	25,902,294,702
Chi nhánh Hà Nội	59,862,529,783	36,528,531,494
Chi nhánh Đà Nẵng	36,941,948,935	354,633,900
Cho thuê nhà kho	199,794,009	100,803,135
Khách sạn Hoa Mai	8,206,999,059	8,746,327,675
Cộng	785,577,075,405	495,969,315,246
20. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2010	Năm 2009
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1,512,483,219	405,306,351
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	15,618,000	
Cổ tức, lợi nhuận được chia	75,000,000	
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2,712,893,555	
Doanh thu hoạt động tài chính khác	305,150,719	
Cộng	4,621,145,493	405,306,351
21. Chi phí tài chính		
Lãi tiền vay	15,346,635,750	11,028,918,361
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	52,673,240	
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	72,273,450	
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	15,166,954,008	13,647,546,606
Cộng	30,638,536,448	24,676,464,967
22. Thu nhập khác	Năm 2010	Năm 2009
Thu khác	1,246,355,175	1,270,027,324
Cộng	1,246,355,175	1,270,027,324

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

23. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2010	Năm 2009
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	63,490,624,629	38,223,430,432
2. Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	(1,222,042,912)	1,795,396,348
<i>Quỹ lương chưa chi</i>	68,708,612	2,082,236,079
<i>Phạt vi phạm hành chính</i>	55,658,612	2,082,236,079
<i>Phạt vi phạm hành chính</i>	13,050,000	
- Các khoản điều chỉnh giảm	(1,290,751,524)	(286,839,731)
<i>Hoàn nhập CLTG chưa thực hiện năm trước</i>		(286,839,731)
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	(75,000,000)	
<i>Hoàn nhập lãi trong hàng tồn kho năm trước</i>	(1,215,751,524)	
3. Thu nhập chịu thuế năm hiện hành (1+2)	62,268,581,717	40,018,826,780
Trong đó		
Thu nhập hoạt động kinh doanh chính	61,147,501,328	35,708,494,956
Thu nhập khác	1,121,080,389	4,310,331,824
Thuế suất thuế TNDN		
Thu nhập hoạt động kinh doanh chính	20%	20%
Thu nhập khác	25%	25%
4. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	12,509,770,363	8,219,281,947
Thu nhập hoạt động kinh doanh chính	12,229,500,266	7,141,698,991
Thu nhập khác	280,270,097	1,077,582,956
5. Điều chỉnh giảm 30% thuế TNDN năm 2009		(2,465,784,584)
6. Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành	12,509,770,363	5,753,497,363
24. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2010	Năm 2009
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	50,737,703,961	32,713,083,374
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm		
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	50,737,703,961	32,713,083,374
Cổ phiếu cổ đông đang lưu hành bình quân trong kỳ	10,029,863	6,000,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5,059	5,452

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin so sánh**

Việc trình bày lại Bảng cân đối kế toán theo thông tư số 244/2009/TT-BTC ban hành ngày 31/12/2009 của Bộ Tài Chính áp dụng năm 2010 làm cho thông tin so sánh số đầu kỳ ngày 01/01/2010 được thay đổi như sau:

Quỹ khen thưởng phúc lợi (mã số 431) tại ngày 31/12/2009 7,040,824,715

Trình bày lại

Quỹ khen thưởng phúc lợi (mã số 431) tại ngày 31/12/20010 7,040,824,715

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Ảnh hưởng của Thông tư 201 đến các báo cáo tài chính năm hiện hành

Như đã trình bày ở thuyết minh số IV.13, trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty áp dụng hướng dẫn về các nghiệp vụ bằng ngoại tệ theo Thông tư 201, hướng dẫn này khác biệt so với các quy định trong VAS 10. Ảnh hưởng như sau:

	Thông tư 201	VAS 10	Chênh lệch
Bảng cân đối kế toán			
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(3.072.858.273)	-	(3.072.858.273)
Báo cáo kết quả kinh doanh			
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	345.242.143	(345.242.143)
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	(3.418.100.416)	3.418.100.416
Lãi chênh lệch tỷ giá thuần ghi nhận vào báo cáo KQKD	-	(3.072.858.273)	3.072.858.273

Kế toán trưởng

Trần Thị Lụa

Tp. HCM, ngày 30 tháng 01 năm 2011

Tổng Giám đốc

 **Nguyễn Xuân Hàn**